

RỪNG XÀ NU

(2 tiết)

NGUYỄN TRUNG THÀNH

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được ý chí bất khuất, tinh thần chiến đấu của con người Tây Nguyên và con đường tất yếu để đi tới giải phóng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

– Hiểu được bút pháp nghệ thuật đậm tính sử thi và lãng mạn của truyện qua cách trần thuật, miêu tả thiên nhiên, nhân vật ; qua ngôn ngữ và giọng điệu.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Để hiểu và thâm nhập được vào không khí tư tưởng – cảm xúc của tác phẩm cần nắm được hoàn cảnh ra đời của truyện *Rừng xà nu*. Nguyễn Ngọc (Nguyễn Trung Thành) đã nói khá kĩ về điều đó trong bài viết *Về một truyện ngắn : "Rừng xà nu"*⁽¹⁾. Truyện được viết vào đầu năm 1965, ở khu căn cứ của chiến trường miền Trung Trung Bộ, trong không khí sôi sục của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đó là thời điểm sau khi Mĩ ồ ạt đổ quân vào miền Nam nước ta và đánh phá ác liệt miền Bắc, cuộc kháng chiến của dân tộc ta chuyển sang giai đoạn mới, chống lại cuộc chiến tranh cục bộ của đế quốc Mĩ. Mặc dù truyện *Rừng xà nu* viết về sự kiện cuộc nổi dậy của một buôn làng Tây Nguyên trong thời kì đồng khởi trước năm 1960, nhưng chủ đề và tư tưởng của tác phẩm vẫn có quan hệ mật thiết với tình hình thời sự của cuộc kháng chiến lúc tác phẩm ra đời. Cố nhiên, ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm không bị giới hạn trong tính thời sự như thế, mà mang giá trị khái quát về chân lí lịch sử, về con đường giải phóng của nhân dân trong thời đại cách mạng.

(1) Nguyễn Ngọc, *Về một truyện ngắn : "Rừng xà nu"*, trong sách *Nhà văn nói về tác phẩm*, Sđd.

2. Về phương pháp

– Truyện ngắn *Rừng xà nu* thể hiện tập trung phong cách sử thi lãng mạn của ngòi bút Nguyễn Ngọc, đồng thời cũng rất tiêu biểu cho khuynh hướng sử thi của nền văn học cách mạng từ sau năm 1945, đặc biệt là ở thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Để hiểu được đặc điểm này của tác phẩm, GV cần lưu ý HS đọc và nhớ lại phần viết về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn ở bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX*, rồi vận dụng để tìm hiểu những biểu hiện của khuynh hướng ấy trong một tác phẩm.

– *Rừng xà nu* có hai câu chuyện lồng ghép vào nhau, với nhiều tình tiết, sự kiện được diễn ra trong một khoảng thời gian khá dài. Để dồn chứa được một dung lượng khá lớn như vậy vào một truyện ngắn, tác giả đã lựa chọn cách kể hợp lí : câu chuyện của một đời, một làng được kể trong một đêm, qua lời của một già làng. Cách kể chuyện ấy rất thích hợp với nội dung và tính chất của truyện, lại gọi liên tưởng tới cách kể "khan" (trường ca) của các dân tộc Tây Nguyên. Đây cũng chính là một đặc điểm về nghệ thuật tự sự – yếu tố quan trọng tạo nên thành công của tác phẩm.

– Truyện khá dài, không cần thiết phải đọc cả tác phẩm tại lớp, nếu cần chỉ nên đọc một đoạn mở đầu để tạo không khí cho bài học, còn chủ yếu là HS tự đọc tác phẩm ở nhà khi chuẩn bị bài.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– GV có thể dẫn vào bài học bằng cách yêu cầu HS nhắc lại một đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 : khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Từ đó, dẫn vào truyện ngắn *Rừng xà nu*, một tác phẩm rất tiêu biểu cho đặc điểm nêu trên.

– Giới thiệu về tác giả, tác phẩm (dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK, chú ý nhấn mạnh hoàn cảnh ra đời của tác phẩm).

2. Phần nội dung chính

Câu hỏi 1

– Về cốt truyện và tình huống xung đột của tác phẩm

+ Truyện được kể theo một lần về thăm làng Xô Man của Tnú, sau ba năm xa làng đi bộ đội giải phóng. Trong đêm ấy, quây quần quanh bếp lửa, cả dân làng được nghe cụ Mết kể lại câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú và chuyện về cuộc nổi dậy của làng Xô Man.

+ Cốt truyện của *Rừng xà nu* có hai câu chuyện đan cài vào nhau : chuyện về cuộc đời Tnú và chuyện về cuộc nổi dậy của làng Xô Man. Chuyện về Tnú là tình tiết chính và cũng là cốt lõi của câu chuyện về cuộc nổi dậy của làng Xô Man.

Truyện tái hiện không khí lịch sử của phong trào cách mạng giải phóng ở miền Nam từ những năm đen tối cho đến lúc đồng khởi (khoảng các năm 1955 - 1959), qua các đoạn đường của cuộc đời Tnú và làng Xô Man. Xung đột chính của truyện – giữa nhân dân cách mạng và kẻ thù Mĩ – nguy, được dồn nén, đẩy tới cao trào và bùng nổ dữ dội ở đoạn gần cuối truyện – đoạn về cuộc nổi dậy của làng Xô Man. Kẻ thù tra tấn dã man Mai và đứa con nhỏ bằng cây gậy sắt, rồi đốt hai bàn tay Tnú bằng giẻ tẩm nhựa xà nu hồng dập tắt ý chí phản kháng của dân làng Xô Man. Sự tàn bạo của kẻ thù đến tột đỉnh thì sức phản kháng dữ dội, quyết liệt của nhân dân cũng bùng nổ : cuộc nổi dậy của làng Xô Man do cụ Mết chỉ huy với giáo, mác, dục, rựa trong phút chốc tiêu diệt sạch cả tiểu đội lính giặc, bắt đầu cuộc chiến đấu giải phóng của dân làng, của cả Tây Nguyên.

– Về cách sắp xếp xen kẽ các lớp thời gian

+ Trong truyện thường có hai lớp thời gian : thời gian kể chuyện và thời gian của các sự kiện được kể. Trong *Rừng xà nu*, thời gian kể chỉ trong một đêm Tnú về thăm làng Xô Man của anh (nói chính xác là từ chiều hôm trước đến sáng hôm sau). Còn thời gian của các sự kiện trong truyện lại rất dài, bởi đó là câu chuyện về cuộc đời Tnú : từ lúc còn là một chú bé cùng Mai vào rừng tiếp tế cho anh Quyết – cán bộ Đảng – rồi bị địch bắt, ra tù trở về làng, thành vợ chồng với Mai. Tiếp đó là cái chết đau thương của Mai và đứa con dưới những cây gậy sắt tàn bạo của bọn lính ; Tnú bị giặc bắt trói, đốt mười đầu ngón tay bằng giẻ tẩm nhựa xà nu ; cuộc nổi dậy của làng Xô Man ; Tnú đi bộ đội giải phóng và ba năm sau anh trở về thăm làng. Có thể nói *Rừng xà nu* là câu chuyện của một nửa đời người được thuật lại, kể lại trong một đêm qua lời cụ Mết đan xen với lời của người trần thuật ở ngôi thứ ba.

+ Ở phần đầu và phần cuối truyện là thời gian hiện tại gắn với sự việc Tnú về thăm làng chỉ một đêm và sáng hôm sau lại ra đi. Phần giữa – cũng là phần chính của truyện, chủ yếu tái hiện những sự việc thuộc thời gian quá khứ. Nhưng đôi lúc mạch kể lại quay lại với thời gian hiện tại bằng việc miêu tả cảnh dân làng nghe cụ Mết kể chuyện về Tnú, cùng những lời trực tiếp của cụ Mết, của Tnú. Cách phối hợp các lớp thời gian như vậy làm cho truyện vừa mở ra được nhiều sự kiện, biến cố, tái hiện được cả một giai đoạn lịch sử trong một dung lượng câu chữ không lớn của một truyện ngắn. Đồng thời, lại kéo gần quá khứ về với thời gian hiện tại, cho người đọc hình dung một cách cụ thể, sinh động về những sự việc và con người được kể, như nó đang hiện diện trước mắt.

+ Phù hợp với cách kể như trên, truyện sử dụng phối hợp điểm nhìn của hai người kể : người kể ở ngôi thứ ba vô hình và người kể là cụ Mết. Trong phần chính của truyện, lời kể từ ngôi thứ ba lại nương theo câu chuyện về Tnú do cụ Mết kể cho dân làng nghe, xen kẽ với những lời trực tiếp của cụ Mết. Lời cụ Mết thường chỉ để khởi đầu cho mỗi chặng, dẫn mạch kể ở những biến cố tạo bước ngoặt (như sự kiện Tnú tay không xông ra giữa bầy lính, không cứu được Mai mà còn bị giặc bắt trói).

Câu hỏi 2

– Nổi bật và xuyên suốt trong truyện ngắn này là hình tượng cây xà nu. Hình tượng ấy được thể hiện qua nhiều hình ảnh và chi tiết trong suốt tác phẩm. Mở đầu và kết thúc truyện đều là hình ảnh rừng xà nu, "đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đôi xà nu nối tiếp tới chân trời" (câu này được nhắc lại ở đoạn kết như một điệp khúc lấy lại để nhấn mạnh, gây ấn tượng đậm nét trong phần kết thúc truyện). Nhưng xà nu không chỉ có mặt trong đoạn mở đầu và kết thúc, nó còn hiện diện trong suốt câu chuyện về Tnú và làng Xô Man của anh. Xà nu có mặt trong đời sống hằng ngày như đã tự ngàn đời nay của dân làng (ngọn lửa xà nu trong mỗi bếp ; trong đống lửa ở nhà ưng tập hợp cả làng, ngọn đuốc xà nu cháy sáng soi những đoạn rừng đêm,...) ; xà nu cũng tham dự vào những sự kiện quan trọng của cuộc sống làng Xô Man (ngọn đuốc xà nu cháy sáng trong tay cụ Mết và tất cả dân làng vào rừng lấy giáo, mác, dùi, rựa đã giấu kĩ, chuẩn bị cho cuộc nổi dậy, và đêm đêm làng Xô Man thức dưới ánh đuốc xà nu mài vũ khí ; giặc đốt hai bàn tay Tnú bằng giẻ tẩm nhựa xà nu,... ; cũng ngọn lửa từ các đuốc xà nu soi sáng rục cái đêm cả làng nổi dậy, soi rõ xác mười tên lính giặc bị giết ngổn ngang quanh đống lửa lớn giữa sân làng,...).

– Có thể nói hình tượng xà nu là mô típ chủ đạo (leitmotiv) của tác phẩm. Xà nu trở thành biểu tượng cho cuộc sống và phẩm chất của nhân dân làng Xô Man. Chúng ta hiểu vì sao truyện ngắn này có tên là *Rừng xà nu*. Vai trò "chủ âm" của hình tượng xà nu cũng được xác nhận qua lời kể của tác giả về việc viết truyện ngắn này : "Bắt đầu như thế nào ? Không, quả thực bắt đầu tôi chưa hề có câu chuyện, cốt truyện nào cả. Bắt đầu đến với ngòi bút, gần như không hề tính trước, là một khu rừng xà nu, những cây xà nu.

Hồi tháng 5 năm 1962, hành quân từ miền Bắc vào, tôi cùng đi với Nguyễn Thi [...] đến điểm chia tay mỗi người về chiến trường của mình là khu rừng bát ngát phía tây Thừa Thiên giáp Lào. Đó là một khu rừng xanh tít tắp tận chân trời. Tôi yêu cây rừng xà nu từ ngày đó. Ấy là một loại cây hùng vĩ và cao thượng, man dại và trong sạch, mỗi cây cao vút, vạm vỡ, ứ nhựa, tán lá vừa thanh nhã vừa rắn rỏi..."⁽¹⁾.

– Những đoạn mô tả rừng xà nu ở đầu và cuối truyện, đây chất thơ hùng tráng. Cần chú ý là sự miêu tả về cây xà nu ở đây luôn luôn được đặt trong sự ứng chiếu với con người, gợi ra những biểu tượng về đời sống, số phận và phẩm cách của con người – dân làng Xô Man. Ngược lại, ở nhiều chỗ con người cũng được miêu tả bằng cách so sánh với cây xà nu. Cụ Mết thì "ngực căng như một cây xà nu lớn", vết thương trên lưng Tnú do giặc tra tấn thì "ứa một giọt máu đậm, từ sáng đến chiều thì đặc quện lại, tím thẫm như nhựa xà nu". Thủ pháp ấy trong miêu tả tạo nên một sự hoà nhập, tương ứng giữa con người và thiên nhiên trong một chất thơ hào hùng, tráng lệ.

– Cây xà nu ham ánh sáng và khí trời, "nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng", cũng như Tnú, như dân làng Xô Man yêu tự do. Rừng xà nu cũng như làng Xô Man, chịu nhiều đau thương bởi sự tàn phá của giặc : "Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn". Nhưng xà nu có sức sống thật mãnh liệt, không gì tàn phá nổi : "Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời", cũng như các thế hệ làng Xô Man, lớp này tiếp lớp khác đứng lên. Anh Quyết hi sinh

(1) Nguyễn Ngọc, *Về một truyện ngắn : "Rừng xà nu"*, trong sách *Nhà văn nói về tác phẩm*, Sdd.

thì có Tnú, Mai ; Mai ngã xuống giữa tuổi xuân tràn đầy sức sống, thì Dít lớn lên, nhanh đến không ngờ, trở thành bí thư chi bộ, chính trị viên xã đội ; rồi những bé Heng, thế hệ tiếp theo của Dít cũng đang lớn lên, tiếp tục cuộc chiến đấu.

Câu hỏi 3

– Truyện ngắn *Rừng xà nu*, cũng như phần lớn các tác phẩm trong thời kì kháng chiến, đã xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập gay gắt : lực lượng cách mạng và kẻ thù. Điều đáng chú ý là tác giả đã xây dựng một hệ thống các nhân vật đại diện cho các thế hệ của nhân dân tiếp nối nhau trong cuộc chiến đấu giải phóng, từ cụ Mết đến Tnú, Mai, rồi Dít, Heng.

+ Cụ Mết là già làng, người đại diện và lưu giữ truyền thống của cộng đồng để truyền lại cho các thế hệ tiếp nối. Nhân vật này mang dáng dấp của những nhân vật anh hùng trong các bản trường ca Tây Nguyên. Trong truyện, cụ Mết không chỉ là người lãnh đạo cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man mà còn là người lưu giữ và kể lại lịch sử cuộc đấu tranh ấy, là người phát ngôn cho những chân lí về con đường giải phóng của nhân dân.

+ Tnú và Mai là thế hệ đã được tiếp nhận lí tưởng cách mạng ngay từ những năm tháng cực kì đau thương, đen tối của làng Xô Man và của cả nhân dân miền Nam dưới ách thống trị tàn bạo của bọn Mĩ – nguy. Thế hệ ấy đã trải qua nhiều đau thương, căm hận, cả những hi sinh, để rồi trưởng thành.

+ Dít là hình ảnh của thế hệ trẻ trưởng thành nhanh chóng trong cuộc chiến đấu. Khi Mai hi sinh, Dít mới chỉ là một cô bé, nhưng đã bộc lộ bản lĩnh gan góc, cứng cỏi trước kẻ thù. Rồi chỉ mấy năm sau, cùng với sự lớn mạnh của làng Xô Man trong chiến đấu, Dít đã thành người lãnh đạo chủ chốt.

+ Thành bé Heng là hình ảnh lớp thiếu nhi đang kế tục các thế hệ cha anh để đưa cuộc chiến đấu tới thắng lợi cuối cùng.

– Các nhân vật đại diện cho những thế hệ cách mạng đều được thể hiện ở những phẩm chất chung của cộng đồng và cũng chủ yếu trong cuộc chiến đấu của nhân dân. Ở họ nổi bật lên là những phẩm chất chung của con người cách mạng. Tuy nhiên, tác giả cũng chú ý khắc hoạ một vài nét riêng trong tính cách để tạo cho các nhân vật mang chức năng đại diện cho quần chúng cách mạng có được ít nhiều tính sinh động, cụ thể (rõ nhất là ở nhân vật Tnú và Dít).

Câu hỏi 4

– Câu chuyện về cuộc đời và con đường của Tnú mang ý nghĩa tiêu biểu của người anh hùng đại diện cho số phận và con đường của các dân tộc Tây Nguyên trong thời đại đấu tranh giải phóng. Những nét tính cách nổi bật ở Tnú đã được bộc lộ ngay từ lúc còn nhỏ : gan góc và táo bạo, dũng cảm và trung thực (khi cùng Mai vào rừng tiếp tế cho anh Quyết). Đặc biệt, sự gắn bó và lòng trung thành với cách mạng đã được bộc lộ qua thử thách (khi bị giặc bắt, tra hỏi cộng sản ở đâu, Tnú đặt tay lên bụng mà nói "Ở đây này !" và lưng Tnú ngang dọc những vết dao chém của kẻ thù).

– Câu chuyện của Tnú và Mai khi còn nhỏ đầy vẻ đẹp thơ mộng, ở tuổi trưởng thành thấm thiết nghĩa tình song lại thật bi thương trong lúc tưởng như ngập tràn hạnh phúc. Tính cách và số phận của Tnú được bộc lộ chói sáng trong đoạn cao trào của truyện, cũng là đoạn đời bi tráng của nhân vật.

– Ở nhân vật Tnú, hình ảnh bàn tay gây được ấn tượng đậm nét và sâu sắc, qua bàn tay thấy hiện lên cuộc đời và tính cách nhân vật. Bàn tay Tnú lúc còn lành là bàn tay trung thực, tình nghĩa (bàn tay cầm phấn viết chữ của anh Quyết dạy cho ; bàn tay dấm dáy đá đập vào đầu mình để tự trừng phạt khi học hay quên chữ ; bàn tay đặt lên bụng mình khi nói : cộng sản "Ở đây này !" ; lúc Tnú thoát ngục Kon Tum trở về, gặp Mai ở đầu rừng lối vào làng, Mai cầm hai bàn tay Tnú mà giàn giụa nước mắt,...).

Hai bàn tay Tnú, mười ngón tay bị bọn giặc quấn giẻ tẩm dầu xà nu rồi đốt. Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc, ngọn lửa từ mười đầu ngón tay – nơi thần kinh bén nhạy nhất – đã thiêu đốt gan ruột, cả hệ thần kinh của Tnú : "Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi". Mười ngọn đuốc ngón tay Tnú đã châm bùng lên ngọn lửa nổi dậy của làng Xô Man. Bàn tay Tnú đã được dập lửa, nhưng mỗi ngón chỉ còn hai đốt. Đốt ngón tay không thể mọc lại. Bàn tay cháy cụt ngón còn đó như chứng tích đầy căm hận mà Tnú mang theo suốt đời.

Nhưng bàn tay mỗi ngón còn hai đốt ấy vẫn cầm giáo, cầm súng được và Tnú đã lên đường, cầm súng đi tìm những thằng Dục để trả mối thù. Đến cuối truyện, bàn tay Tnú lại một lần nữa xuất hiện. Nhưng lần này là ở trong một tư thế, một tương quan hoàn toàn khác trước kẻ thù. Bằng đôi bàn tay cụt mười

đốt ấy, anh đã bóp chết tên chỉ huy đồn địch ngay trong hầm ngầm cố thủ của nó, trong ánh đèn pin soi vào mặt nó, cho nó nhìn rõ bàn tay tròng phật, bàn tay quả báo đang siết vào cổ họng những thằng Dục (với Tnú, chúng nó đứa nào cũng là thằng Dục).

Câu hỏi 5

Câu chuyện của cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của làng Xô Man đã nói lên một chân lí tất yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân miền Nam. Chân lí ấy đã được phát ngôn qua lời của nhân vật cụ Mết – người đại diện cho cộng đồng làng Xô Man : "Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu : Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo !". Đó cũng chính là tư tưởng chủ đạo trong đường lối cách mạng của Đảng : phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, vũ trang chiến đấu là con đường tất yếu để tự giải phóng của nhân dân. Nhưng giá trị của tác phẩm không chỉ là ở sự minh hoạ cho tư tưởng chính trị ấy, mà chủ yếu là ở sự thể hiện khát vọng tự do, sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng, ý chí bất khuất của nhân dân trong cuộc đấu tranh giải phóng.

Câu hỏi 6

Về tính sử thi của tác phẩm

– GV cần gợi cho HS nhớ lại một đặc điểm của văn học cách mạng giai đoạn 1945 - 1975 là khuynh hướng sử thi. Lưu ý sự thể hiện của khuynh hướng sử thi trên các phương diện bao trùm cả nội dung và nghệ thuật : đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng, ngôn ngữ và giọng điệu.

– Tính sử thi của truyện ngắn *Rừng xà nu* cũng được thể hiện trên hầu hết các phương diện nội dung và nghệ thuật tác phẩm, nhưng nổi bật là ở nghệ thuật trần thuật, hình tượng nhân vật và hình tượng thiên nhiên, ở đề tài và chủ đề tác phẩm.

+ Đề tài của truyện là về số phận và con đường giải phóng của dân làng Xô Man ở Tây Nguyên, cũng chính là tiêu biểu cho số phận và con đường chiến đấu để giải phóng của nhân dân miền Nam, của cả dân tộc. Tác phẩm sử thi thường không quan tâm đến những vấn đề của đời sống cá nhân, riêng tư hay sinh hoạt thế sự, mà chủ yếu hướng vào hệ đề tài lịch sử cộng đồng, dân tộc và nhân dân. Tính sử thi là nét nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Nguyên Ngọc – Nguyễn Trung Thành. Hầu hết tác phẩm của ông đều khai thác

những đề tài có ý nghĩa lịch sử, nói về vận mệnh của nhân dân, dân tộc (các tiểu thuyết *Đất nước đứng lên*, *Đất Quảng*, tập truyện và kí *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*).

+ Chủ đề của truyện ngắn này đã được phát ngôn trực tiếp qua lời nhân vật cụ Mết – người đại diện cho truyền thống cộng đồng : "Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu : Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo !". Đó là chân lí về con đường giải phóng của quần chúng nhân dân trong thời đại cách mạng. Chủ đề ấy thể hiện nội dung sử thi của tác phẩm, chi phối việc xây dựng hệ thống hình tượng và cả hệ thống ngôn ngữ, giọng điệu.

+ Hệ thống nhân vật trong truyện được lựa chọn để đại diện cho các thế hệ tiếp nối nhau trong cuộc chiến đấu giải phóng của nhân dân (đã phân tích ở trên).

+ Hình tượng xà nu vừa hiện thực lại vừa mang đậm ý nghĩa biểu tượng, cũng góp phần tạo nên chất sử thi lãng mạn của tác phẩm (đã phân tích ở trên).

+ Nghệ thuật trần thuật của truyện cũng mang đậm tính sử thi và rất thích hợp với nội dung, với không gian Tây Nguyên trong truyện.

Câu chuyện được kể như một hồi tưởng trong đêm Tnú về thăm làng, qua lời kể của cụ Mết và những hồi ức của Tnú tái hiện theo những lời kể ấy. Chuyện được kể bên bếp lửa, qua lời của một già làng kể cho đông đảo dân làng nghe ; cách kể trang trọng như muốn truyền cho các thế hệ con cháu những trang lịch sử của cả cộng đồng ("người già chưa quên, người chết quên rồi thì để cái nhớ lại cho người sống", "Người Strá ai có cái tai, ai có cái bụng thương núi, thương nước hãy lắng mà nghe, mà nhớ. Sau này tau chết rồi, chúng mày phải kể lại cho con cháu nghe...").

Cách trần thuật như vậy gợi nhớ tới lối kể "khan" ở các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Bên bếp lửa chung của làng, những bài "khan" được kể như hát suốt nhiều đêm. Những trường ca đầy chất sử thi, kể về lịch sử mang màu sắc huyền thoại của bộ tộc, về những người anh hùng tiêu biểu cho sức mạnh và khát vọng của cộng đồng (những *Đăm Săn*, *Xinh Nhã*, *Đăm Bôri*,...). Câu chuyện của Tnú mà cụ Mết kể cho dân làng nghe là câu chuyện của thời hiện tại, nhưng vẫn được kể như là câu chuyện lịch sử, với giọng điệu và ngôn ngữ trang trọng của sử thi, với thái độ chiêm ngưỡng qua một "khoảng cách sử thi" đối với những con người và sự kiện được kể lại.

3. Phân củng cố

– Từ truyện ngắn *Rừng xà nu*, GV có thể nêu lên đặc điểm của phong cách nghệ thuật Nguyên Ngọc – Nguyễn Trung Thành. Cảm hứng sáng tác của ông chủ yếu hướng vào những vấn đề hệ trọng của đời sống dân tộc, đất nước, với cái nhìn lịch sử và quan điểm cộng đồng. Khuynh hướng sử thi ở Nguyên Ngọc kết hợp với cảm hứng lãng mạn, tạo nên chất trữ tình hùng tráng, với giọng điệu chủ đạo là trang trọng, say mê ngợi ca. Nhà văn đã bắt gặp được ở mảnh đất Tây Nguyên một không gian, bao gồm cả thiên nhiên, xã hội, con người, hết sức thích hợp với phong cách sử thi lãng mạn của mình. Chính vì thế, những trang viết về Tây Nguyên là những trang viết đặc sắc và thành công hơn cả trong sáng tác của Nguyên Ngọc.

– Từ hai truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* và *Rừng xà nu*, GV gợi cho HS nhận xét về nét tương đồng và khác biệt của hai tác phẩm trong sự phản ánh con đường đến với cách mạng của nhân dân miền núi, trong sáng tạo hình tượng nhân vật và nghệ thuật trần thuật.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

– Lưu ý HS đọc lại phần nói về một đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, trong bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX*: Văn học chủ yếu được sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

– Cần xác định nội dung khái niệm : khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn (có thể dựa vào phần trình bày về đặc điểm nói trên trong bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX*).

– Nêu ngắn gọn đặc điểm sử thi của truyện *Rừng xà nu*, được thể hiện ở đề tài và chủ đề, nhân vật, bức tranh thiên nhiên, cách trần thuật, ngôn ngữ và giọng điệu (đã gợi ý ở phần Câu hỏi 6).

– Khuynh hướng sử thi trong tác phẩm còn gắn liền với cảm hứng lãng mạn, thể hiện ở : cảm xúc của tác giả bộc lộ trực tiếp trong lời trần thuật, miêu tả, đặc biệt là khi kể câu chuyện bi tráng của Tnú và Mai, khi miêu tả hình ảnh rừng xà nu. Chất lãng mạn còn thể hiện ở việc khẳng định, đề cao vẻ đẹp và sức mạnh của con người, của thiên nhiên, được đặt trong sự đối lập gay gắt với kẻ thù tàn bạo, man rợ không còn tính người.

– Lí giải vì sao trong văn học giai đoạn 1945 - 1975, khuynh hướng sử thi thường đi liền với cảm hứng lãng mạn. (Gợi ý : Cảm hứng lãng mạn phù hợp với xu thế và yêu cầu của thời đại cách mạng, với sự thức tỉnh về ý thức và sức mạnh của quần chúng nhân dân – đó cũng là nội dung sử thi của văn học thời đại ấy).

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nguyễn Ngọc, *Về một truyện ngắn : "Rừng xà nu"*, trong sách *Nhà văn nói về tác phẩm*, Sđd.

– Nhị Ca, *Bàn tay Tnú và cây xà nu*, tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 8, 1976.